



**CÔNG TY CP TM VÀ DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....***.....
Số : 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ

.....***.....
TP. HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
(VIMEXCO GAS)**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số: 02/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 08/08/2021 của Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 : Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 2 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 3 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 4 : Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Đất Việt (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 5 : Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2021.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Điều 6 : Thông qua chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Stt	Chức danh	Mức thù lao
I.	Hội đồng quản trị	
1.	Chủ tịch	13.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	10.000.000 đồng/người/tháng
II.	Ban kiểm soát	
1.	Trưởng Ban	10.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	7.000.000 đồng/người/tháng



Điều 7 : Thông qua Tờ trình về việc thanh lý tài sản không trực tiếp phục vụ hoạt động kinh doanh. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện tìm kiếm, lựa chọn đối tác, hình thức, giá chuyển nhượng để thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 8 : Thông qua Tờ trình về việc giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu VMG để nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Chi tiết như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng không phải chào mua công khai: Công ty CP Đầu tư XNK và Phát triển Năng lượng Toàn Cầu.
2. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai: Các cổ đông của Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu.
3. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng tại mục 1 nêu trên không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi cổ phiếu Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu (Mã chứng khoán: VMG) dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu.
4. Phương thức thực hiện giao dịch: Nhận chuyển nhượng thông qua hình thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.
5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận chuyển nhượng nêu trên để đảm bảo thực hiện các nội dung trong tờ trình này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Điều 9 : Thông qua Tờ trình về việc giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

STT	Bên liên quan
1	Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Tổng Giám đốc Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể, ký kết hợp đồng và thực hiện các giao dịch với các bên liên quan nêu trên, bao gồm các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt (nếu có).

Điều 10 : Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (toàn văn tờ trình và phụ lục 01 về Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử của Công ty CP TM và DV Dầu Khí Vũng Tàu đính kèm nghị quyết này).

Điều 11 : Điều khoản thi hành:

Nghị Quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu – VMG có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị Quyết này.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA





BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 08/08/2021; Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu (“Công ty”) (Mã số doanh nghiệp: 3500755050; Trụ sở: 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) đã tiến hành tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“Đại hội”) theo hình thức trực tuyến.

PHẦN I: TUYÊN BỐ LÝ DO, THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

Đại diện Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu gồm có các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Cùng Cổ đông và đại diện cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu theo danh sách chốt ngày 23/06/2021 tham dự theo hình thức trực tuyến.

2. Tính hợp pháp của Đại hội:

Bà Lương Thị Ngọc Bích - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty là 9.600.000 cổ phần.
- Tính đến 08 giờ 18 phút ngày 08/08/2021 có 07 cổ đông/đại diện cổ đông tham dự theo hình thức trực tuyến. Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông và đại diện cổ đông tham dự có quyền biểu quyết là 6.331.683 cổ phần, chiếm tỷ lệ 65,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ Công ty: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu đủ điều kiện tiến hành.

PHẦN II: THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI, GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU VÀ PHÁT BIỂU KHAI MẠC

1. Ban tổ chức thực hiện thủ tục thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành. Cụ thể như sau:

❖ **Đoàn Chủ tịch:**

- | | | |
|---------------------------|------------------------|-----------------|
| - Ông Lê Hữu Chí | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tịch Đoàn |
| - Ông Trần Thái Hưng Long | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Ông Võ Cao Phong | - Trưởng Ban kiểm soát | - Thành viên |

❖ **Ban Thư ký gồm có:**

- | | |
|--------------------------|---------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Kim Việt | - Trưởng Ban thư ký |
| - Bà Lê Thị Thanh Tuyền | - Thành viên |

❖ **Ban kiểm phiếu gồm có:**

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| - Bà Lương Thị Ngọc Bích | - Trưởng Ban kiểm phiếu |
| - Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoàn | - Thành viên |

2. Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Sau khi nghe Đại hội công bố chương trình và Quy chế làm việc, Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành.

PHẦN III: NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

I. Các nội dung trình bày:

1. Ông Huỳnh Thiên Thái - Giám đốc kinh doanh trình bày Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
2. Ông Trần Thái Hưng Long – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
3. Ông Võ Cao Phong – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
4. Bà Nguyễn Thị Kim Thi – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày:
 - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán.
 - Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
 - Tờ trình về việc Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.
 - Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không trực tiếp phục vụ hoạt động kinh doanh.
 - Tờ trình Thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu VMG để nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện chào mua công khai.
 - Tờ trình về việc Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.
 - Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

II. Ý kiến của Cổ đông dự họp

1. Câu hỏi của cổ đông Nguyễn Văn Bình: “các tài sản dự kiến thanh lý bao gồm những tài sản gì, nguyên giá bao nhiêu, giá trị dự kiến thu về là bao nhiêu?”

Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch đoàn trả lời câu hỏi của Cổ đông như sau: Hội đồng quản trị sẽ làm việc với Ban điều hành và các phòng ban để thống nhất các danh mục tài sản cần thanh lý và sẽ ban hành nghị quyết, quyết định cụ thể đối với tài sản thanh lý.

III. Kết quả biểu quyết các vấn đề theo chương trình đại hội

- * Tổng số phiếu phát ra: 8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - * Tổng số phiếu thu vào: 8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - * Số phiếu hợp lệ: 8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - * Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
1. **Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021**
 - Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 2. **Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021**
 - Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 3. **Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021**
 - Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 4. **Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Đất Việt)**
 - Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

5. Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2021.

- * Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- * Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt
- * Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
- Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

6. Tờ trình về việc Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Stt	Chức danh	Mức thù lao
I.	Hội đồng quản trị	
1.	Chủ tịch	13.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	10.000.000 đồng/người/tháng
II.	Ban kiểm soát	
1.	Trưởng Ban	10.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	7.000.000 đồng/người/tháng

- Số phiếu tán thành: 7 /8 phiếu, đại diện cho 6.331.683 cổ phần, chiếm 92,68% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 1/8 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 7,32% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

7. Tờ trình về việc Thanh lý tài sản không trực tiếp phục vụ hoạt động kinh doanh.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện tìm kiếm, lựa chọn đối tác, hình thức, giá chuyển nhượng để thực hiện theo quy định pháp luật.

- Số phiếu tán thành: 7 /8 phiếu, đại diện cho 6.331.683 cổ phần, chiếm 92,68% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 1/8 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 7,32% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

8. Tờ trình Thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu VMG để nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Cụ thể:

- * Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng không phải chào mua công khai: Công ty CP Đầu tư XNK và Phát triển Năng lượng Toàn Cầu.
 - * Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai: Các cổ đông của Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu.
 - * Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng tại mục 1 nêu trên không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi cổ phiếu Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu (Mã chứng khoán: VMG) dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu.
 - * Phương thức thực hiện giao dịch: Nhận chuyển nhượng thông qua hình thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.
 - * Ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận chuyển nhượng nêu trên để đảm bảo thực hiện các nội dung trong tờ trình này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Số phiếu tán thành: 7 /8 phiếu, đại diện cho 6.331.683 cổ phần, chiếm 92,68% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không tán thành: 1/8 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 7,32% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

9. Tờ trình về việc Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.

STT	Bên liên quan
1	Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Tổng Giám đốc Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể, ký kết hợp đồng và thực hiện các giao dịch với các bên liên quan nêu trên, bao gồm các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt (nếu có).

- Số phiếu hợp lệ: 7 phiếu, đại diện cho 4.983.775 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu tán thành: 6 /7 phiếu, đại diện cho 4.483.775 cổ phần, chiếm 89,97% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 1/7 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 10,03% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 /7 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

10. Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

- Số phiếu tán thành: 8/8 phiếu, đại diện cho 6.831.683 cổ phần, chiếm 100% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

PHẦN IV: THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Thị Kim Việt thay mặt Ban thư ký đọc toàn văn nội dung biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

- Số phiếu tán thành: 7 /8 phiếu, đại diện cho 6.331.683 cổ phần, chiếm 92,68% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 1/8 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 7,32% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Việt thay mặt Ban thư ký đọc toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu và được Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

- Số phiếu tán thành: 7 /8 phiếu, đại diện cho 6.331.683 cổ phần, chiếm 92,68% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 /8 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 1/8 phiếu, đại diện cho 500.000 cổ phần, chiếm 7,32% trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Ông Lê Hữu Chí – Chủ tịch đoàn thay mặt Ban tổ chức cảm ơn Quý cổ đông đã tham dự và tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Kim Việt



Lê Thị Thanh Tuyền

CHỦ TỌA



Lê Hữu Chí



.....***.....

Số:01/BC-ĐHĐCĐ/2021

.....***.....

TP.HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

**BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**

- Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu cũng như dự kiến những biến động của kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2021,

I. BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2020:

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

a. Công tác sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2020.
- Tổ chức tổng kết, đánh giá những kinh nghiệm trong quá trình điều hành để đưa ra các kế hoạch sản xuất năm 2021 của Công ty. Chấn chỉnh kịp thời công tác sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, đồng thời giải quyết nhanh chóng các khó khăn phát sinh trong thực tế thị trường.
- Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN 2020	TỶ LỆ
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	21,586	19,716	91%
1.1	Gas Dân Dụng	Tấn	17,218	15,998	93%
1.2	Gas Công Nghiệp	Tấn	4,368	3,717	85%
2	Doanh Thu Thuần	Tỷ Đồng	306.5	273.5	89%
3	Lợi Nhuận sau thuế	Tỷ Đồng	1.7	0.16	9.2%
3.1	Lợi nhuận hoạt động	Tỷ Đồng	1.1	(0.45)	-41%

3.2	Lợi nhuận khác	Tỷ Đồng	0.6	0.5	85%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	181	17	9%

b. Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản:

- Trong năm 2020 Công ty đầu tư hơn 20.000 vỏ bình gas (18.998 vỏ bình 12kg và 1.151 vỏ bình 45kg), mua 02 xe tải với tổng trị giá hơn 7,5 tỷ đồng để phục vụ việc phát triển kinh doanh.
- Sửa chữa nhỏ, thường xuyên tại chi nhánh Bến Cát - Bình Dương và Gò Dầu - Đồng Nai.
- Định kỳ kiểm tra và kiểm định các trang thiết bị kho chứa LPG và chai LPG.

2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2020

2.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	280,524,271,286	365,124,905,301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7,043,051,116	
3. Doanh thu thuần	273,481,220,170	365,124,905,301
4. Giá vốn hàng bán	235,852,288,300	331,438,280,941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37,628,931,870	33,686,624,360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	142,390,137	68,284,685
7. Chi phí tài chính	3,095,694,645	2,239,755,334
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3,095,694,645	2,219,722,334
8. Chi phí bán hàng	29,929,966,867	29,977,599,664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,217,153,937	6,488,678,840
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(471,493,442)	(4,951,124,793)
11. Thu nhập khác	2,392,779,005	6,177,286,084
12. Chi phí khác	1,856,047,037	656,101,611
13. Lợi nhuận khác	536,731,968	5,521,184,473
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	65,238,526	570,059,680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(94.966.097)	(94,966,097)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	160,204,623	665,025,777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	69

2.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,80	0,55
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,69	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	69,30	71,83
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	225,79	254,97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho bình quân	Lần	44,58	46,35
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,84	2,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,18	0,06
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,68	0,47
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,52	0,13
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	(1,36)	(0,17)

3. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2020:

Năm 2020 giá LPG thế giới vẫn thay đổi thất thường. Tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, có nhiều khó khăn. Nhất là ảnh hưởng tình hình Dịch bệnh Covid-19. Sản lượng đạt 91% và Doanh thu chỉ đạt 89% so với kế hoạch. Trong tình hình khó khăn, tập thể cán bộ công nhân viên Vimexco Gas đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ, công ty có lãi. Thể hiện sự quyết tâm rất cao của Ban lãnh đạo Công ty.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá thực trạng công ty.

a/ Điểm mạnh:

- Đã có cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo Pháp luật là một thương nhân đầu mối về xuất – nhập khẩu và phân phối LPG tại Việt Nam;

- Có hệ thống Kho, bồn chứa nhập tàu.
- Thương hiệu Vimexco GAS đã định hình và ổn định tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai;
- Đội ngũ Cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm và tận tâm;

b/ Điểm yếu:

- Nguồn lực tài chính đang thâm hụt nghiêm trọng, kinh doanh hoàn toàn trên tiền vay ngân hàng và cá nhân. Do vậy, tình hình sản xuất kinh doanh đã và đang gặp nhiều khó khăn khi không duy trì được nguồn tài trợ tín dụng. Đồng thời khi giá LPG thế giới tăng, sẽ làm tăng mạnh chi phí tài chính;
- Thị trường dân dụng dần trải trên nhiều tỉnh thành, do vậy khó kiểm soát được lượng hàng giả.
- Nguồn vốn bị thiếu hụt (do bị chiếm dụng/ thất thoát)
- Nguồn gas chưa ổn định, giá Pre nhập vẫn còn ở mức cao.

2. Kế hoạch 2021:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	19,716	18,027	91%
1.1	Gas dân dụng	Tấn	15,998	16,225	101%
1.2	Gas bình CN trực tiếp	Tấn	12	207	1679%
1.3	Gas bồn công nghiệp	Tấn	3,717	1,801	48%
2	Doanh thu kinh doanh LPG	Tỷ đồng	280.52	326.68 (*)	116%
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0.54	4.52	843%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.18	6.30	3570%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	18	656	3644%

Ghi chú: (*) Tùy thuộc vào giá CP hàng tháng

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch.

- Giữ vững và phát triển sản lượng Gas dân dụng. Tăng sản lượng khách hàng công nghiệp sử dụng bình trực tiếp nhằm tăng tỷ lệ lợi nhuận gộp.
- Giảm sản lượng Gas bồn Công nghiệp nhằm giảm chi phí tài chính, tập trung thu hồi công nợ.
- Tập trung củng cố và xây dựng hệ thống bán hàng Tổng đại lý/ Đại lý, phát triển thị trường đang có: Bình Dương, TP.HCM.
- Đẩy mạnh việc phát triển thị trường tại khu vực tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An.

55056
CÔNG TY
HẠN
TÁC DỤNG
KHÍ
TÀU
PHẠ VĂN

- Khảo sát thị trường và lên kế hoạch phát triển thị trường tại khu vực các tỉnh Bắc MeKong, Bình Phước, Tây Ninh và Bình Thuận
- Phát triển sản lượng vào các thị trường tiềm năng, kiểm soát tốt vòng quay vò, nhằm ngăn chặn giảm thiểu tình trạng chiết nạp lậu.
- Phân khúc thị trường ít cạnh tranh về giá: Tăng giá bán hàng + chăm sóc dịch vụ bán hàng tốt để tăng doanh thu và lợi nhuận bán hàng.
- Kiểm soát và tối ưu các chi phí: Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí chiết nạp, chi phí sơn sửa vỏ bình...
- Đẩy mạnh việc khai thác kho chứa LPG bằng việc cho thuê kho;
- Tiếp tục đầu tư chai LPG với lượng vừa đủ khả năng phát triển sản lượng bền vững.
- Thương lượng Nhà cung cấp Gas nguồn: đề nghị giảm giá Pre nhập nhằm giảm giá vốn hàng bán, tăng lãi gộp bán hàng.
- Nâng cấp hệ thống chiết nạp Bến Cát, tăng năng suất lao động (giảm chi phí tăng ca/ làm thêm giờ). Nâng cao chất lượng về sản phẩm: giảm tối thiểu số lượng bình lỗi, vỏ bình sạch đẹp, hạn chế sử dụng vỏ cũ (ri sắt) bơm nạp lại để bán hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ - sản phẩm Vimexco Gas.
- Hoàn thành thủ tục pháp lý cho tài sản: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Hoàn thành thủ tục pháp lý cho tài sản: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàn thành thủ tục pháp lý cho tài sản: Quyền sử dụng đất Ấp Lò Ô, xã An Tây, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Tiếp tục giải quyết các thủ tục pháp lý để thu hồi các khoản nợ khó đòi của khách hàng.

III. KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo kế quả kinh doanh năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu (Vimexco Gas).

Thay mặt toàn thể Cán bộ công nhân viên, tôi xin chân thành cảm ơn.

Trân trọng.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Căn cứ hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ vừa qua.

Hội Đồng Quản Trị (HDQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HDQT trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. Nhân sự, thù lao và hoạt động của HDQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm

1.1. Các thành viên HDQT nhiệm kỳ năm 2016 – 2021 đã nghỉ gồm:

- Ông Nguyễn Quang Ninh - Chủ tịch
- Ông Chu Văn Chuyên - Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Quang Minh - Thành viên
- Ông Phạm Văn Chung - Thành viên (Ông Phạm Văn Chung được bầu vào HDQT thay thế ông Chu Văn Chuyên kể từ ngày 26/06/2020)

1.2. Các thành viên HDQT đương nhiệm (2016 – 2021) được bầu tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/5/2021 gồm:

- Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch
- Ông Trần Thái Hưng Long - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Kim Thi - Thành viên

2. Thù lao của HDQT

Thực hiện theo đúng Nghị Quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2016. Tổng chi phí tiền thù lao của HDQT năm 2020 là: 150.461.538 đồng. Trong đó:

- + Chủ tịch HDQT : 5.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên : 4.000.000 đồng/người/tháng

3. Hoạt động của HDQT

- HDQT thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Công ty, có nhiều chỉ đạo, giải pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong vấn đề tài chính, kinh doanh ... giúp cho hoạt động Công ty được xuyên suốt và hiệu quả.
- Trong năm 2020, HDQT đã tổ chức tổng cộng 19 cuộc họp, tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HDQT là 100%. Các vấn đề đưa ra trong cuộc họp được các



thành viên HĐQT phân tích, thảo luận, và thống nhất quyết định để Ban điều hành triển khai thực hiện. Các cuộc họp HĐQT đều được thư ký lập biên bản và lưu trữ tại Công ty theo quy định.

- HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- HĐQT đã giám sát việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

- Nhìn chung, trong năm vừa qua dù gặp phải nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các chủ trương do HĐQT đưa ra, đồng thời linh hoạt trong việc ứng biến xử lý công việc. Sự phối hợp giữa Ban Tổng giám đốc và HĐQT đã góp phần mang lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quyết định/Chỉ thị của HĐQT năm 2020 đã được Ban giám đốc Công ty thực hiện nghiêm túc. Báo cáo đầy đủ, kịp thời trong quá trình thực hiện các chỉ đạo của HĐQT và xin ý kiến khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc thường xuyên làm việc với các bộ phận để kịp thời chấn chỉnh hoạt động kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc từng bộ phận.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao.
- Trong năm vừa qua dù Công ty gặp khó khăn về vấn đề tài chính nhưng Ban điều hành đã chủ động, cân đối nguồn tài chính, đảm bảo cho hoạt động của công ty được xuyên suốt.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2021

- HĐQT tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành.
- Tiếp tục duy trì các cuộc họp để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để cùng Ban điều hành kịp thời tháo gỡ các vướng mắc.
- Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt hơn trong định hướng mở rộng thị trường kinh doanh. Tăng cường giám sát việc thi nhiệm vụ và giải trình của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tiếp tục rà soát lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tăng năng suất, tăng thu nhập cho người lao động.



- Tập trung tìm kiếm đối tác, huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc đầu tư vỏ bình gas, nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành quản lý và sử dụng nguồn vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích.
- Rà soát, cập nhật các văn bản thuộc hệ thống quản trị của Công ty để tăng cường hiệu quả công tác quản trị, phù hợp với những thay đổi của pháp luật.
- Hoàn thiện vấn đề pháp lý đối với những tài sản của Công ty tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu được thông qua ngày 21/05/2021;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

Ban kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động năm 2020 của Công ty như sau:

I. Nhân sự, thù lao và hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên:

Các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm năm 2020 gồm:

- Bà Trần Thị My – Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Bùi Đăng Hùng – Thành viên
- Bà Phan Thị Minh – Thành viên

Các thành viên Ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo gồm:

- Ông Võ Cao Phong – Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Tấn Quyền – Thành viên
- Bà Lương Thị Ngọc Bích – Thành viên

2. Thù lao của Ban kiểm soát

Thực hiện theo đúng Nghị Quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2016. Tổng chi phí tiền thù lao của BKS năm 2020 là: 120.000.000 đồng. Trong đó:

- + Trưởng BKS : 4.000.000 đồng/tháng
- + Thành viên : 3.000.000 đồng/người/tháng

3. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.
- Giám sát Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.



- Giám sát Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2020, báo cáo phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

II. Kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoạt động chính của Công ty trong năm 2020 là kinh doanh mua bán, chiết nạp LPG (gồm kinh doanh gas công nghiệp và dân dụng); cho thuê kho chứa LPG ...
- Doanh thu – lợi nhuận: Kết thúc năm tài chính 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 273 tỷ đồng (đạt 89% kế hoạch, giảm 25% so với năm 2019), lợi nhuận sau thuế đạt 160 triệu đồng (đạt 9% kế hoạch, giảm 76% so với năm 2019).
- Về đầu tư:
 - + Công ty đã đầu tư mới gần 20.000 vỏ bình loại 12kg, hơn 1.000 vỏ bình loại 45kg
 - + Mua mới 2 chiếc xe tải với trọng tải 2,4 tấn/xe để phục vụ cho công tác bán hàng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Tài sản ngắn hạn	40,27	36,76	-8,71%
Trong đó:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,60	3,27	-56,98%
Phải thu khách hàng	21,97	20,28	-7,69%
Hàng tồn kho	5,69	4,48	-21,24%
Tài sản dài hạn	88,33	84,15	-4,73%
Trong đó:			
Tài sản cố định	34,27	31,38	-8,45%
Tổng cộng tài sản	128,59	120,91	-5,97%

b. Các khoản phải thu:

ĐVT: tỷ đồng

Các khoản phải thu	31/12/2019		31/12/2020	
	Trong hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
Phải thu khách hàng	21,97	36,24	20,25	35,28
Các khoản phải thu khác	3,21	3,59	7,63	3,83
Tổng cộng	25,18	39,83	27,89	39,10

c. Tình hình nợ phải trả

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	50,13	67,44	35%
Trong đó:			
Vay và nợ ngắn hạn	6,49	40,76	528%
Phải trả người bán ngắn hạn	33,77	19,76	-41%
Nợ dài hạn	38,99	19,41	-50%
Trong đó:			
Vay và nợ ngắn hạn	23,37	0,40	-98%
Phải trả người bán dài hạn	0,84	4,83	477%
Tổng cộng nợ phải trả	89,12	86,85	-3%

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, do Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt thực hiện.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Việc trình bày, ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại nội dung theo các chuẩn mực, chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

4. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty

- Các nghị quyết, quyết định của HDQT tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đã được Ban giám đốc Công ty triển khai thực hiện.
- Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: mua bảo hiểm tài sản, hàng hóa, công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi công nợ, giảm thiểu nợ khó đòi, nợ tồn đọng.
- Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2020, số lao động trong công ty là 80 người, trong đó nữ là 18 người. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2020 là 9,7 triệu đồng/người/tháng.
- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Cán bộ nhân viên Công ty đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân theo quy định.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ/bất thường trên website Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HDQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông

- Giữa BKS, HDQT và Ban Tổng giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. BKS

5007
CÔNG
PH
HAI VÀ
ỦY KH
G TA
PÁ RI

cũng nhận được sự hợp tác, hỗ trợ, tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát tham dự họp các cuộc họp để kịp thời nắm bắt tình hình Công ty.
- HĐQT thực hiện đúng trình tự trong việc hỗ trợ cổ đông thay đổi thông tin lưu ký, cấp sổ cổ phiếu cho Cổ đông theo xác nhận thông tin chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2021

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông:

- Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty,
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường và thường niên năm 2021. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các chi nhánh cũng như tại văn phòng Công ty.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2021. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.
- Giám sát tình hình công bố thông tin định kỳ/bất thường theo qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
- Thường xuyên trao đổi, phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để kịp thời nắm bắt tình hình Công ty.

IV. Kết luận và kiến nghị

- Ban kiểm soát nhất trí nội dung, số liệu báo cáo của HĐQT, Ban giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch hoạt động, kết quả kinh doanh năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Hội đồng quản trị cần tiếp tục chú trọng việc xây dựng chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới một cách chi tiết, cụ thể để trên cơ sở đó định hướng cho Ban giám đốc triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị cần xem xét, nghiên cứu cải tiến mô hình quản trị công ty, giúp tối đa các nguồn lực sẵn có và đạt được kết quả mong muốn.
- Ưu tiên về mặt nhân sự: ổn định, chất lượng, hiệu quả trong công việc. Xây dựng hệ thống lương thưởng theo phương pháp chuyên nghiệp, có các chính sách đào tạo nhân sự, nhằm thu hút, thúc đẩy và giữ chân người tài.
- Tiếp tục tập trung thu hồi các khoản nợ cũ, hạn chế tối đa phát sinh công nợ khó đòi mới.
- Tăng cường công tác quản lý sử dụng niêm tem một cách chặt chẽ để hạn chế chiết

lậu thương hiệu Vimexco gas trên thị trường, làm ảnh hưởng đến thương hiệu cũng như sản lượng bán hàng của công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2020 và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

T/M. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BKS



Vũ Cao Phong





CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....**
Số: 11/TTr-HĐQT/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....**
TP. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán ”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

(Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán đính kèm)

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VĨNG TÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Quang Ninh	Chủ tịch		
Ông Chu Văn Chuyên	Phó Chủ tịch		26/06/2020
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên	26/06/2020	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thị My	Trưởng ban		
Ông Bùi Đăng Hùng	Thành viên		
Bà Phan Thị Minh	Thành viên		
<u>Ban điều hành, quản lý</u>			
Ông Nguyễn Quang Ninh	Tổng Giám đốc		01/02/2020
Ông Vũ Đại Bách	Tổng Giám đốc	01/02/2020	15/10/2020
Ông Lương Quốc Nam	Tổng Giám đốc	15/10/2020	
Ông Lương Quốc Nam	Phó Giám đốc	11/8/2020	15/10/2020
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị



NGUYỄN QUANG NINH – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 7 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đã quyết định xử lý công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán trên sổ sách với tổng giá trị là 5.293.005.054 VND vào chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước. Nếu Công ty ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm nay thì chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay lỗ 5.132.800.431 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý thêm với người đọc Báo cáo này một số vấn đề sau:

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 05 tháng 03 năm 2012 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chuyển trả cho chủ sở hữu cũ là bà Châu Mỹ Lang. Tại ngày 25 tháng 04 năm 2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay tranh chấp này vẫn chưa được giải quyết xong. Giá trị Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 932.560.000 VND (Quyền sử dụng đất tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thời hạn sử dụng nên Công ty không trích khấu hao) (Xem thuyết minh số V.11).
- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát của Công ty tại Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương do ông Lê Quý Bình từng là thành viên Hội đồng quản trị Công ty đứng tên. Giá trị Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.444.594.052 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.544.720.912 VND) (Xem thuyết minh số V.11). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Lê Quý Bình chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho Công ty.
- Tại 02 tháng 02 năm 2021, ông Nguyễn Quang Ninh – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã bán 2.394.050 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu; ông Nguyễn Quang Minh - Ủy viên Hội đồng Quản trị đã bán 1.640.608 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu; bà Trần Thị My – Trưởng Ban kiểm soát đã bán 478.400 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu. Sau ngày giao dịch 02 tháng 02 năm 2021, các cổ đông lớn của Công ty thay đổi sang ông Lê Hữu Chí, ông Nguyễn Thanh Tùng và bà Nguyễn Thị Kim Chi với tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu VMG lần lượt là 18,87%, 24,94% và 17,09%. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, ông Nguyễn Quang Ninh, ông Nguyễn Quang Minh và bà Trần Thị My vẫn đang giữ chức vụ chủ chốt của Công ty (Xem thuyết minh số VIII.4).
- Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 100.496.058.302 VND và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 30.681.410.765 VND. Các yếu tố này dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng vào hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai sẽ có đủ tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, nên Báo cáo này được lập theo giả định hoạt động liên tục (Xem thuyết minh số IV.1).

Tùy thuộc sự nhìn nhận của các bên liên quan, vấn đề nêu trên có thể làm thay đổi quan điểm của người đọc Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

السنة 2021 - 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.759.394.623	40.265.021.688
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.269.490.280	7.599.901.861
Tiền	111		3.269.490.280	7.599.901.861
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	100.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.098.927.685	25.609.138.094
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	20.276.739.948	21.966.629.921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	20.000.000	250.533.986
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.461.064.161	6.798.015.952
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(3.827.084.850)	(3.574.250.191)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	168.208.426	168.208.426
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	4.483.910.776	5.693.033.358
Hàng tồn kho	141		4.483.910.776	5.693.033.358
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		807.065.882	962.948.375
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	544.761.002	723.329.604
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.724.512	95.038.403
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	144.580.368	144.580.368
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.150.661.364	88.327.429.162
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	35.250.672.425	36.238.670.425
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	24.493.643	24.493.643
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6b	(35.275.166.068)	(36.263.164.068)
II. Tài sản cố định	220		31.376.657.348	34.271.915.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	27.999.503.296	30.731.450.594
Nguyên giá	222		66.014.886.951	65.731.525.923
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.015.383.655)	(35.000.075.329)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.377.154.052	3.540.464.620
Nguyên giá	228		4.668.279.000	4.857.830.069
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.291.124.948)	(1.317.365.449)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	48.550.583
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	48.550.583
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52.774.004.016	54.006.963.365
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	52.774.004.016	54.006.963.365
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.910.055.987	128.592.450.850

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.848.160.747	89.120.964.373
I. Nợ ngắn hạn	310		67.440.805.384	50.133.196.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	19.762.578.836	33.772.492.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.573.892.034	4.437.904.486
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.631.690.053	1.630.188.362
4. Phải trả người lao động	314		1.278.089.492	717.718.106
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	18.182.466	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.411.435.035	3.086.576.345
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	40.764.725.000	6.488.104.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.468	212.468
II. Nợ dài hạn	330		19.407.355.363	38.987.768.012
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	4.832.746.978	838.167.128
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		68.760.420	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	13.879.665.941	14.463.727.763
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	403.200.000	23.367.925.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	222.982.024	317.948.121
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.061.895.240	39.471.486.477
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	34.061.895.240	39.471.486.477
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		96.000.000.000	96.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.272.048	2.823.272.048
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		585.631.494	585.631.494
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(100.496.058.302)	(95.086.467.065)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		(100.656.262.925)	(95.751.492.842)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		160.204.623	665.025.777
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.910.055.987	128.592.450.850

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN QUANG NINH
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÁU B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	280.524.271.286	365.124.905.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.043.051.116	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		273.481.220.170	365.124.905.301
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	235.852.288.300	331.438.280.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.628.931.870	33.686.624.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	142.390.137	68.284.685
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.095.694.645	2.239.755.334
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.095.694.645	2.219.722.334
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29.929.966.867	29.977.599.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.217.153.937	6.488.678.840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(471.493.442)	(4.951.124.793)
11. Thu nhập khác	31		2.392.779.005	6.177.286.084
12. Chi phí khác	32		1.856.047.037	656.101.611
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	536.731.968	5.521.184.473
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.238.526	570.059.680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	(94.966.097)	(94.966.097)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		160.204.623	665.025.777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	17	69
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	17	69

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021



NGUYỄN QUANG NINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.238.526	570.059.680
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.291.157.992	3.450.879.429
- Các khoản dự phòng	03		(735.163.341)	(61.304.776)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(15.019)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(174.011.735)	(77.360.575)
- Chi phí lãi vay	06		3.095.694.645	2.219.722.334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.542.916.087	6.101.981.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		278.971.938	(866.204.424)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.209.122.582	3.482.718.109
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.604.763.817)	(9.496.065.649)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.411.527.951	(8.776.548.456)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.618.389.024)	(1.668.531.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.542.100.000	3.479.080.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.786.740.479)	(516.732.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.025.254.762)	(8.260.302.848)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(818.588.545)	(79.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		427.272.727	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.892.510.700)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		166.773.699	95.107.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.617.052.819)	25.198.311
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		65.359.912.886	14.541.200.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.048.016.886)	(576.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.311.896.000	13.965.200.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.330.411.581)	5.730.095.463
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.599.901.861	1.869.686.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	120.159
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.269.490.280	7.599.901.861



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN QUANG NINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

DẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000272 ngày 21 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ nhất số 4903000272 ngày 20 tháng 7 năm 2007, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 54 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sang địa chỉ số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 14.000.000.000 VND lên 64.000.000.000 VND.
 - ✓ Thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Lê Quý Bình, chức danh Tổng Giám đốc sang ông Nguyễn Xuân Vinh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 3500755050 ngày 30 tháng 9 năm 2008, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 64.000.000.000 VND lên 96.000.000.000 VND
 - ✓ Thành lập hai chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 3500755050 ngày 26 tháng 5 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Xuân Vinh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị sang ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ tư số 3500755050 ngày 01 tháng 8 năm 2011, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị sang bà Nguyễn Thị Tân Hoa, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ năm số 3500755050 ngày 02 tháng 11 năm 2016, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ bà Nguyễn Thị Tân Hoa, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị sang ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 567/QĐ-SGDHN ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9.600.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 96.000.000.000 VND. Ngày 30 tháng 9 năm 2009, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VMG.

Theo Quyết định số 261/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hủy niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu, mã chứng khoán VMG, lý do hủy do cổ phiếu VMG không có giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 12 tháng. Quyết định có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2012.

Theo Quyết định số 831/QĐ-SGDHN ngày 3 tháng 10 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 3 tháng 10 năm 2017.

- **Vốn điều lệ** : 96.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 9.600.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (0254) 3 512572

Fax : (0254) 3 512571

Mã số thuế : 3 5 0 0 7 5 5 0 5 0

Chi nhánh

Tên chi nhánh 1: : Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn và dịch vụ tư vấn kỹ thuật - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ : 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tên chi nhánh 2 : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Đồng Nai

Địa chỉ : Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Tên chi nhánh 3 : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Bình Dương

Địa chỉ : Số 218A, Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch; Sản xuất thực phẩm; Chế biến hải sản xuất khẩu (Doanh nghiệp không được chế biến trong khu dân cư, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

theo quy định của Luật bảo vệ môi trường); Chế biến lâm sản xuất khẩu; Chế biến nông sản xuất khẩu; Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas; Dịch vụ kỹ thuật cung ứng vật tư hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác chế biến dầu khí; Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí; Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phối, sắt thép xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;

Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành theo Luật Đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 105 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 100.496.058.302 VND, và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 30.681.410.765 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh. Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng vào hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai sẽ có đủ tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, nên Báo cáo này được lập theo giả định hoạt động liên tục.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị văn phòng	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí san lấp mặt bằng.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ thời gian sử dụng của quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí sử dụng đường bộ, phí chi phí thuê nhà xưởng và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Tiền thuê nhà xưởng thể hiện số tiền thuê đã trả trước. Tiền thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm, và 10 năm đối với vỏ bình gas.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.091.078.910	822.528.249
Tiền gửi ngân hàng	1.178.411.370	6.777.373.612
Cộng	3.269.490.280	7.599.901.861

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	100.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,0% /năm (năm 2019: 7,0%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20.276.739.948	21.966.629.921
Công ty TNHH An Thuận	12.600.093.194	9.601.380.138
Cửa hàng bán lẻ gas An Thuận	-	783.545.164
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng CSB (Việt Nam)	3.888.595.480	2.626.319.916
Công ty Cổ phần Đồ dùng Gia đình Việt Nam	712.854.384	464.704.614
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát Bình Dương	476.053.116	520.617.537
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	772.629.418	1.342.556.595
Công ty TNHH Gas Tân Tiến	784.152.578	781.300.072
Công ty TNHH TM DV Thanh Bình Rạng Đông	-	2.504.956.796
Các khách hàng khác	1.042.361.778	3.341.249.089
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	35.250.672.425	36.238.670.425
Công ty TNHH An Thuận	1.747.432.923	1.747.432.923
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	993.766.298	993.766.298
Công ty TNHH Gas Khánh Hoà	653.500.923	653.500.923
Gas Mẫn	556.991.621	1.556.991.621
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	11.797.348.653
Công ty Cổ phần Dầu khí và Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	10.506.984.826
Gas Tám Lang	974.977.390	974.977.390
DNTN TM Thuận Hương	1.542.028.500	1.542.028.500
Các khách hàng khác	6.477.641.291	6.465.639.291
Cộng	55.527.412.373	58.205.300.346
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thuận	14.347.526.117	11.348.813.061
Cộng	14.347.526.117	11.348.813.061

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.000.000	250.533.986
Công Ty CP Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam	20.000.000	-
CN Lái Thiêu - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	-	200.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	50.533.986
b) Trả trước cho người bán dài hạn	24.493.643	24.493.643
Công ty TNHH Tam Kỳ	24.493.643	24.493.643
Cộng	44.493.643	275.027.629

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng nhân viên	177.994.521	79.349.521	300.030.483	79.349.521
Ký cược, ký quỹ	52.500.000	-	72.900.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.928.768	-	26.312.330	-
Phải thu khác	11.228.640.872	3.747.735.329	6.398.773.139	3.494.900.670
Cộng	11.461.064.161	3.827.084.850	6.798.015.952	3.574.250.191

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác là các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thuận	209.730.415	209.730.415
Ông Lương Quốc Nam	3.783.008.220	-
Cộng	3.992.738.635	209.730.415

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
a) Dự phòng phải thu ngắn hạn				
khó đòi	3.827.084.850	-	3.827.084.850	3.574.250.191
Phải thu ngắn hạn khác	3.747.735.329	-	3.747.735.329	3.494.900.670
Công ty TNHH An Thuận (mượn hàng)	209.730.415	-	209.730.415	194.748.763
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí	3.053.985.415	-	3.053.985.415	3.053.985.415
Khác	484.019.499	-	484.019.499	246.166.492
Tạm ứng nhân viên	79.349.521	-	79.349.521	79.349.521
Lê Xuân Hào	36.800.272	-	36.800.272	36.800.272
Khác	42.549.249	-	42.549.249	42.549.249
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	35.275.166.068	-	35.275.166.068	36.263.164.068
Phải thu dài hạn của khách hàng	35.250.672.425	-	35.250.672.425	36.238.670.425
Công ty TNHH An Thuận	1.747.432.923	-	1.747.432.923	1.747.432.923
Công ty TNHH Miền Đông	751.092.862	-	751.092.862	751.092.862
Công ty TNHH gạch men Hoàng Gia	993.766.298	-	993.766.298	993.766.298
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	-	11.797.348.653	11.797.348.653
Công ty Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	-	10.506.984.826	10.506.984.826
DNTN Thuận Hương	1.542.028.500	-	1.542.028.500	1.542.028.500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đại lý gas Tám Lang	974.977.390	-	974.977.390	-
Công ty TNHH TM Dầu tư Nhật Minh	760.196.148	-	760.196.148	-
Gas Mãn	556.991.621	-	556.991.621	-
Các khách hàng khác	5.619.853.204	-	5.619.853.204	-
<i>Trả trước cho người bán dài hạn</i>	24.493.643	-	24.493.643	-
Công ty Tam Kỳ	24.493.643	-	24.493.643	-
Cộng	39.102.250.918	-	39.102.250.918	-
			Giá gốc	Dự phòng
			974.977.390	974.977.390
			760.196.148	760.196.148
			1.556.991.621	1.556.991.621
			5.607.851.204	5.607.851.204
			24.493.643	24.493.643
			24.493.643	24.493.643
			39.837.414.259	39.837.414.259

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	39.837.414.259	39.898.719.035
Trích lập dự phòng trong năm	269.960.043	19.975.536
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.005.123.384)	(81.280.312)
Số cuối năm	39.102.250.918	39.837.414.259

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, trả trước cho người bán, tạm ứng nhân viên và các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	168.208.426	168.208.426
Cộng	168.208.426	168.208.426

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	98.369.001	-	257.454.855	-
Hàng hóa	4.385.541.775	-	5.435.578.503	-
Cộng	4.483.910.776	-	5.693.033.358	-

9. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	544.761.002	723.329.604
Công cụ, dụng cụ	308.417.479	44.296.979
Phí bảo hiểm	84.663.557	77.788.738
Phí sử dụng đường bộ	1.136.362	30.109.584
Chi phí sửa chữa	98.776.939	440.209.718
Chi phí bảo lãnh	2.250.000	30.136.733
Chi phí khác	49.516.665	100.787.852
b) Chi phí trả trước dài hạn	52.774.004.016	54.006.963.365
Chi phí công cụ, dụng cụ	52.012.477.201	53.422.423.356
Phí kiểm định	331.853.832	144.436.667
Chi phí sửa chữa	417.136.717	418.076.581
Chi phí khác	12.536.266	22.026.761
Cộng	53.318.765.018	54.730.292.969

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.975.082.284	44.721.302.731	11.940.855.194	94.285.714	65.731.525.923
Tăng trong năm	1.963.351.353	79.000.000	818.588.545	-	2.860.939.898
Mua trong năm	-	-	818.588.545	-	818.588.545
Phân loại lại	1.963.351.353	79.000.000	-	-	2.042.351.353
Giảm trong năm	79.000.000	1.810.255.064	688.323.806	-	2.577.578.870
Thanh lý, nhượng bán	-	-	688.323.806	-	688.323.806
Phân loại lại	79.000.000	1.810.255.064	-	-	1.889.255.064
Số cuối năm	10.859.433.637	42.990.047.667	12.071.119.933	94.285.714	66.014.886.951
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	5.982.165.063	22.426.292.755	6.497.331.797	94.285.714	35.000.075.329
Tăng trong năm	1.639.482.677	1.984.466.380	849.759.644	-	4.473.708.701
Khấu hao trong năm	356.805.108	1.984.466.380	849.759.644	-	3.191.031.132
Phân loại lại	1.282.677.569	-	-	-	1.282.677.569
Giảm trong năm	-	1.165.727.698	292.672.677	-	1.458.400.375
Thanh lý, nhượng bán	-	-	292.672.677	-	292.672.677
Phân loại lại	-	1.165.727.698	-	-	1.165.727.698
Số cuối năm	7.621.647.740	23.245.031.437	7.054.418.764	94.285.714	38.015.383.655
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.992.917.221	22.295.009.976	5.443.523.397	-	30.731.450.594
Số cuối năm	3.237.785.897	19.745.016.230	5.016.701.169	-	27.999.503.296
GTCL của TSCĐ thế chấp nợ vay:					
Số đầu năm	-	-	3.404.570.032	-	3.404.570.032
Số cuối năm	-	-	2.952.623.056	-	2.952.623.056
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	1.315.967.472	2.129.580.405	3.254.772.288	94.285.714	6.794.605.879
Số cuối năm	1.315.967.472	338.834.006	2.975.742.755	94.285.714	4.724.829.947

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.668.279.000	189.551.069	4.857.830.069
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	189.551.069	189.551.069
Điều chỉnh	-	189.551.069	189.551.069
Số cuối năm	4.668.279.000	-	4.668.279.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.190.998.088	126.367.361	1.317.365.449
Tăng trong năm	100.126.860	-	100.126.860
Khấu hao trong năm	100.126.860	-	100.126.860
Giảm trong năm	-	126.367.361	126.367.361
Điều chỉnh	-	126.367.361	126.367.361
Số cuối năm	1.291.124.948	-	1.291.124.948
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.477.280.912	63.183.708	3.540.464.620

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Số cuối năm	3.377.154.052	-	3.377.154.052

Quyền sử dụng đất là giá trị của 2 lô đất đang xây ra tranh chấp của Công ty:

- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại Ấp Lồ Ô, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương do ông Lê Quý Bình từng là thành viên Hội đồng quản trị Công ty đứng tên. Giá trị còn lại Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.444.594.052 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.544.720.912 VND).

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52, Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 05 tháng 03 năm 2012 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chuyển trả cho chủ sở hữu cũ là bà Châu Mỹ Lang. Tại ngày 25 tháng 04 năm 2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay tranh chấp này vẫn chưa được giải quyết xong. Giá trị Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 932.560.000 VND (Quyền sử dụng đất tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thời hạn sử dụng nên Công ty không trích khấu hao).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	-	46.744.583
- Gia công ống Lu lô	-	28.525.510
- Làm băng chuyền sàn chiết tại CNBC	-	18.219.073
Sửa chữa tài sản cố định	-	1.806.000
Cộng	-	48.550.583

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
a) Công ty TNHH Gas Phoenix (Việt Nam)	19.762.578.836	19.762.578.836	33.772.492.594	33.772.492.594
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	9.918.281.835	9.918.281.835	-	-
Công ty TNHH Super Gas CN TCT Khí Việt Nam-CTCP- Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	1.020.359.564	1.020.359.564	-	-
Công ty TNHH Thiên Mã	7.990.669.269	7.990.669.269	-	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	-	-	5.828.387.548	5.828.387.548
Công ty TNHH SX KD Hai Thành	-	-	1.580.679.753	1.580.679.753
	-	-	18.882.326.368	18.882.326.368
	-	-	3.262.520.000	3.262.520.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần TM & DV Dầu khí Miền Trung	-	-	2.169.141.958	2.169.141.958
Các nhà cung cấp khác	833.268.168	833.268.168	2.049.436.967	2.049.436.967
b) Phải trả người bán dài hạn	4.832.746.978	4.832.746.978	838.167.128	838.167.128
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	3.262.520.000	3.262.520.000	-	-
Công ty TNHH Thiên Mã	732.059.850	732.059.850	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đại Lợi	833.167.128	833.167.128	833.167.128	833.167.128
Tạp chí Chứng Khoán	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Cộng	24.595.325.814	24.595.325.814	34.610.659.722	34.610.659.722

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán		
Công ty TNHH Thiên Mã	732.059.850	732.059.850
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	3.262.520.000	3.262.520.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đại Lợi	833.167.128	833.167.128
Tạp chí Chứng Khoán	5.000.000	5.000.000
Cộng	4.832.746.978	4.832.746.978

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dầu khí Bình Phước	137.008.243	174.987.387
Gas Kim Hoàng - NAT	185.897.500	189.253.250
Gas Minh Đại	127.876.114	141.193.853
Công ty TNHH Nam Việt Phát	264.110.979	1.140.612.497
Cửa hàng KD gas Thùy Linh	1.097.487.082	1.366.902.157
Các khách hàng khác	761.512.116	1.424.955.342
Cộng	2.573.892.034	4.437.904.486

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	605.707.202	2.048.325.469	2.140.163.231	513.869.440
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	357.666.100	357.666.100	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(144.580.368)	-	-	(144.580.368)
Thuế thu nhập cá nhân	55.557.560	690.291.228	596.951.775	148.897.013
Thuế nhà đất	968.923.600	13.311.000	13.311.000	968.923.600
Các loại thuế khác	-	152.667.082	152.667.082	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Khác	-	146.667.082	146.667.082	-
Cộng	1.485.607.994	3.262.260.879	3.260.759.188	1.487.109.685

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	144.580.368			144.580.368
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.630.188.362		
				<u>1.631.690.053</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thu : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	18.182.466	-
Cộng	18.182.466	-

17. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	1.411.435.035	3.086.576.345
Tài sản thừa chờ giải quyết	343.861	34.258.330
Kinh phí công đoàn	313.786.208	271.834.208
Bảo hiểm xã hội	-	30.643.125
Phải trả nhân viên	-	1.395.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.097.304.966	2.748.445.682
- Công ty TNHH An Thuận	622.568.748	1.842.109.827
- Ông Nguyễn Quang Ninh	187.655.994	598.791.395
- Ông Đặng Trần Hồng Quân	-	129.741.444
- Phải trả khác	287.080.224	177.803.016
b) Phải trả dài hạn khác	13.879.665.941	14.463.727.763
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.879.665.941	14.463.727.763
Cộng	15.291.100.976	17.550.304.108
Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thuận	622.568.748	1.842.109.827
Ông Nguyễn Quang Ninh	187.655.994	598.791.395
Ông Đặng Trần Hồng Quân	-	129.741.444
Cộng	810.224.742	2.570.642.666

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Bình Hòa	6.488.104.000	6.488.104.000	88.324.637.886	54.048.016.886	40.764.725.000	40.764.725.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	3.612.104.000	3.612.104.000	-	3.612.104.000	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	-	-	45.209.912.886	39.609.912.886	5.600.000.000	5.600.000.000
Vay ngắn hạn ông Nguyễn Quang Ninh (iii)	-	-	13.920.000.000	6.950.000.000	6.970.000.000	6.970.000.000
Vay ngắn hạn ông Đặng Trần Hồng Quân	-	-	28.618.725.000	1.000.000.000	27.618.725.000	27.618.725.000
Vay dài hạn Vay dài hạn Ngân hàng TMCP SG Công Thương - Chi nhánh Bình Hòa đến hạn trả (Xem thuyết minh V.18b (iv))	2.300.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn ông Nguyễn Quang Ninh	576.000.000	576.000.000	576.000.000	576.000.000	576.000.000	576.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP SG Công Thương - Chi nhánh Bình Hòa (iv)	23.367.925.000	23.367.925.000	-	22.964.725.000	403.200.000	403.200.000
	22.388.725.000	22.388.725.000	-	22.388.725.000	-	-
Cộng	979.200.000	979.200.000	-	576.000.000	403.200.000	403.200.000
	29.856.029.000	29.856.029.000	88.324.637.886	77.012.741.886	41.167.925.000	41.167.925.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan		
Ông Nguyễn Quang Ninh	27.618.725.000	22.388.725.000
Ông Đặng Trần Hồng Quân	-	2.300.000.000
Cộng	27.618.725.000	24.688.725.000

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/10611925/HĐTD ngày 20 tháng 7 năm 2020 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 25.000.000.000 VND vào mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC975663 tọa lạc tại địa chỉ Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lương Quốc Nam và bà Lê Thị Hà Ngọc Mai làm chủ sở hữu, sử dụng để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16958/20MN/HĐTD ngày 14 tháng 8 năm 2020 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 VND vào mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ ngành kinh doanh khí hóa lỏng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tuy nhiên không muộn hơn ngày 20/07/2020, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty sử dụng Hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm do HDBank phát hành thuộc sở hữu của Công ty; Bất động sản tọa lạc tại 397 Quốc lộ 13, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Ninh và bà Trần Thị Lại; Bất động sản tọa lạc tại 60A kênh Tân Hóa, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Đặng Trần Hồng Quân; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 36, Xã An Tây, Huyện Bến Cát (nay là Thị xã Bến Cát), Tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Ninh; Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 37, Xã An Tây, Huyện Bến Cát (nay là Thị xã Bến Cát), Tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Ninh; Bất động sản tọa lạc tại 35 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Đặng Trần Hồng Liên; Bất động sản tọa lạc tại 37/1/3 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Đặng Trần Hồng Liên và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty hoặc bên thứ ba để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Vay ngắn hạn ông Nguyễn Quang Ninh theo hợp đồng vay vào mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, với lãi suất cho vay 8%/năm
- (iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Bình Hòa theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 127/2017/HĐTDTL-PN ngày 15 tháng 7 năm 2017 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 127A/2017/HĐTDBS-PN ngày 27 tháng 7 năm 2017 cho vay số tiền 2.500.000.000 VND vào mục đích thanh toán tiền nhận chuyển nhượng xe bồn chứa LPG 15.5 tấn theo Hợp đồng số 01/17CN-VMC/KT/TB ngày 21 tháng 4 năm 2017, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng. Công ty sử dụng Xe bồn chứa LPG nhãn hiệu HUYNDAI HD360 mang biển kiểm soát: 72C-107.42 để thế chấp cho khoản vay này theo Hợp đồng đảm bảo số 118/HĐTC-2017 ngày 26 tháng 7 năm 2017.
- Hợp đồng tín dụng số 240/2017/HĐTDTL-PN ngày 02 tháng 11 năm 2017 cho vay số tiền 380.000.000 VND để mua 02 xe ô tô tải, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn 60 tháng. Công ty đảm bảo khoản vay bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 221/HĐTC-2017 ngày 02 tháng 11 năm 2017.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Bình Hòa được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	576.000.000	144.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	403.200.000	1.411.200.000
Sau 5 năm	-	-
	979.200.000	1.555.200.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(576.000.000)	(144.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	403.200.000	1.411.200.000

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	<u>Thu nhập từ vô bình</u>	<u>Ký quỹ vô bình</u>	<u>Cộng</u>
31/12/2018	(180.720.064)	593.634.282	412.914.218
K/C vào KQKD năm 2019	36.495.122	(131.461.219)	(94.966.097)
31/12/2019	(144.224.941)	462.173.063	317.948.121
K/C vào KQKD năm 2020	36.495.122	(131.461.219)	(94.966.097)
31/12/2020	(107.729.819)	330.711.843	222.982.024

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(107.729.819)	(144.224.941)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	330.711.843	462.173.062
Cộng	222.982.024	317.948.121

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước						
Số đầu năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(91.392.770.080)	43.165.183.462
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	665.025.777	665.025.777
Chi thường Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(68.872.308)	(68.872.308)
Xử lý LPG thiếu hụt	-	-	-	-	(4.289.850.454)	(4.289.850.454)
Số cuối năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(95.086.467.065)	39.471.486.477
Năm nay						
Số đầu năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(95.086.467.065)	39.471.486.477
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	160.204.623	160.204.619
Điều chỉnh công nợ	-	-	-	-	(5.293.005.054)	(5.293.005.054)
Truy thu, nộp phạt thuế	-	-	-	-	(276.790.806)	(276.790.806)
Số cuối năm	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(100.496.058.302)	34.061.895.236

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3500755050** ngày 02 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty là 96.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 05		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Ông Nguyễn Quang Ninh	23.940.500.000	24,94	23.940.500.000	23.940.500.000
Ông Nguyễn Quang Minh	16.409.080.000	17,09	16.409.080.000	16.409.080.000
Các nhà đầu tư khác	55.650.420.000	57,97	55.650.420.000	55.650.420.000
Cộng	96.000.000.000	100,00	96.000.000.000	96.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.000</i>	<i>9.600.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.000</i>	<i>9.600.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	250,33	250,33

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	277.444.673.650	362.839.937.968
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.079.597.636	2.284.967.333
Cộng	280.524.271.286	365.124.905.301

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty TNHH An Thuận	80.604.120.960	57.570.610.392
Cộng	80.604.120.960	57.570.610.392

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	7.026.887.088	-
Hàng bán bị trả lại	16.164.028	-
Cộng	7.043.051.116	-

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã bán	235.852.288.300	331.438.280.941
Cộng	235.852.288.300	331.438.280.941

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	19.529.833	68.269.666
Lãi cho vay	93.008.220	-
Lãi bán hàng trả chậm	29.852.084	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.019
Cộng	142.390.137	68.284.685

5. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	3.095.694.645	2.219.722.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	20.033.000
Cộng	3.095.694.645	2.239.755.334

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	7.564.477.251	5.974.669.595
Chi phí nguyên vật liệu	7.909.018.659	1.121.935.962
Chi phí công cụ, dụng cụ	195.390.781	7.640.142.260
Chi phí khấu hao	3.058.163.880	3.156.249.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.186.006.390	12.044.951.892
Chi phí bằng tiền khác	16.909.906	39.650.392
Cộng	<u>29.929.966.867</u>	<u>29.977.599.664</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	4.053.834.726	4.603.328.650
Chi phí nguyên vật liệu	54.558.833	80.656.264
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.883.480	61.881.789
Chi phí khấu hao	232.994.112	294.629.866
Thuế, phí và lệ phí	23.491.000	135.884.976
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(735.163.341)	(61.304.776)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.526.221.794	1.366.332.162
Chi phí bằng tiền khác	8.333.333	7.269.909
Cộng	<u>5.217.153.937</u>	<u>6.488.678.840</u>

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	2.392.779.005	6.177.286.084
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	31.621.598	9.090.909
Thanh lý công cụ dụng cụ	27.452.182	74.290.400
Doanh thu ký quỹ vô bình	1.978.341.343	1.945.991.843
Điều chỉnh công nợ	39.490.494	2.611.489.941
Cân xe, vận chuyển và thể chân vô tạp	17.727.273	-
Thu nhập khác	298.146.115	1.536.422.991
Chi phí khác	1.856.047.037	656.101.611
Các khoản bị phạt hành chính	278.457.108	149.710.811
Chi phí khác	1.577.589.929	506.390.800
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>536.731.968</u>	<u>5.521.184.473</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	65.238.526	570.059.680
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.186.502.766	608.269.769
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.186.502.766	608.269.769
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	(1.251.741.292)	(1.178.329.449)
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	-
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty được chuyển lỗ các năm trước.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.204.623	665.025.777
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.204.623	665.025.777
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	69

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.204.623	665.025.777
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.569.795.860)	(4.289.850.454)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(5.409.591.237)	(3.624.824.677)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(563)	(378)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.064.140.053	340.342.897.216
Chi phí nhân công	11.618.311.977	10.577.998.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.291.157.992	3.450.879.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.712.228.184	13.411.284.054
Chi phí bằng tiền khác	(686.429.102)	121.500.501
Cộng	<u>270.999.409.104</u>	<u>367.904.559.445</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.928.768	26.312.330
Chi phí lãi vay phải trả	<u>205.838.460</u>	<u>728.532.839</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	26.312.330	53.150.066
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm nay	<u>728.532.839</u>	<u>177.341.698</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH An Thuận

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Hà

Mối quan hệ

Giám đốc Công ty TNHH An Thuận là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Hà là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH An Thuận</i>		
Bán khí hóa lỏng	80.604.120.960	57.570.610.392
Mua khí hóa lỏng	-	49.489.999.763
Cho mượn hàng	756.645.824	-
Mượn hàng	<u>4.682.094.308</u>	<u>4.258.014.734</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Hà		
Mua nhớt	54.420.000	-
Mua khí hóa lỏng	-	1.997.961.731

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH An Thuận		
Phải thu tiền hàng	14.347.526.117	11.348.813.061
Phải thu khác	209.730.415	209.730.415
Phải trả khác	622.568.748	1.842.109.827

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Quang Ninh – Chủ tịch		
Mượn tiền	6.230.000.000	9.978.725.000
Lãi vay phải trả	2.104.553.062	1.692.372.016

Ban điều hành

Ông Lương Quốc Nam – Tổng Giám đốc

Cho vay	3.690.000.000	-
Lãi cho vay	93.008.220	-

Ông Đặng Trần Hồng Quân – Kế toán trưởng

Mượn tiền	-	2.300.000.000
Lãi vay phải trả	127.202.778	129.311.111

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Quang Ninh		
Vay tiền	22.388.725.000	22.388.725.000
Lãi vay phải trả	187.655.994	598.791.395

Ban điều hành

Ông Lương Quốc Nam

Phải thu khác	3.783.008.220	-
---------------	---------------	---

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Đặng Trần Hồng Quân		
Mượn tiền	-	2.300.000.000
Lãi vay phải trả	-	129.741.444

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Quang Ninh	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Chu Văn Chuyên	Phó Chủ tịch	18.461.538	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Văn Chung	Thành viên	24.000.000	-
Bà Trần Thị My	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Đăng Hùng	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Minh	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Lương Quốc Nam	Tổng Giám đốc	240.040.860	-
Ông Nguyễn Quang Ninh	Cố vấn TGD	565.596.154	744.200.000

2. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sản phẩm khí LPG và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không được yêu cầu.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản vay	41.167.925.000	29.856.029.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.269.490.280)	(7.599.901.861)
Nợ thuần	37.898.434.720	22.256.127.139
Vốn chủ sở hữu	34.061.895.240	39.471.486.477
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,11	0,56

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.269.490.280	3.269.490.280	7.599.901.861	7.599.901.861
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000	100.000.000	400.000.000	400.000.000
Phải thu của khách hàng	20.276.739.948	20.276.739.948	21.966.629.921	21.966.629.921
Phải thu khác	7.535.334.311	7.535.334.311	2.976.772.469	2.976.772.469
Cộng	31.181.564.539	31.181.564.539	32.943.304.251	32.943.304.251

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	24.595.325.814	24.595.325.814	34.610.659.722	34.610.659.722
Chi phí phải trả	18.182.466	18.182.466	-	-
Phải trả khác	14.977.314.768	14.977.314.768	17.246.431.775	17.246.431.775
Các khoản vay	41.167.925.000	41.167.925.000	29.856.029.000	29.856.029.000
Cộng	80.758.748.048	80.758.748.048	81.713.120.497	81.713.120.497

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung ở bộ phận kinh doanh khí LPG, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn liên quan đến nhóm khách hàng mua khí LPG, rủi ro tín dụng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số V.6.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Hội đồng quản trị Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.269.490.280	-	-	3.269.490.280
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000	-	-	100.000.000
Phải thu của khách hàng	20.276.739.948	-	-	20.276.739.948
Phải thu khác	7.535.334.311	-	-	7.535.334.311
Cộng	31.181.564.539	-	-	31.181.564.539
Phải trả cho người bán	19.762.578.836	4.832.746.978	-	24.595.325.814
Phải trả khác	1.097.648.827	13.879.665.941	-	14.977.314.768
Các khoản vay	40.764.725.000	403.200.000	-	41.167.925.000
Cộng	61.643.135.129	19.115.612.919	-	80.758.748.048
Chênh lệch thanh khoản thuần	(30.461.570.590)	(19.115.612.919)	-	(49.577.183.509)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.599.901.861	-	-	7.599.901.861
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	400.000.000	-	-	400.000.000
Phải thu của khách hàng	21.966.629.921	-	-	21.966.629.921
Phải thu khác	2.976.772.469	-	-	2.976.772.469
Cộng	32.943.304.251	-	-	32.943.304.251
Phải trả cho người bán	33.772.492.594	838.167.128	-	34.610.659.722
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	2.782.704.012	14.463.727.763	-	17.246.431.775
Các khoản vay	6.056.104.000	23.799.925.000	-	29.856.029.000
Cộng	42.611.300.606	39.101.819.891	-	81.713.120.497
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.667.996.355)	(39.101.819.891)	-	(48.769.816.246)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tại 02 tháng 02 năm 2021, ông Nguyễn Quang Ninh – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã bán 2.394.050 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu; ông Nguyễn Quang Minh - Ủy viên Hội đồng Quản trị đã bán 1.640.608 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu; bà Trần Thị Mỹ – Trưởng Ban kiểm soát đã bán 478.400 cổ phiếu (mã chứng khoán: VMG), số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi bán là 0 cổ phiếu. Sau ngày giao dịch 02 tháng 02 năm 2021, các cổ đông lớn của Công ty thay đổi sang ông Lê Hữu Chí, ông Nguyễn Thanh Tùng và bà Nguyễn Thị Kim Chi với tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu VMG lần lượt là 18,87%, 24,94% và 17,09%.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2021



NGUYỄN QUANG NINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

ĐẶNG TRẦN HỒNG QUÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MỸ TRANG
Người lập biểu



Ha Noi Branch

- Room 705, 17T3 Hoang Dao Thuy Building, Hoang Dao Thuy Street, Trung Hoa Ward, Cau Giay District, Ha Noi City
- Tel : (84-24) 6285 9222 - Fax : (84-24) 6285 9111
- Email : hanoi@vietlandaudit.com.vn

Nha Trang Representative Office

- 7E FLOOR, No.42, Le Thanh Phuong Street, Nha Trang City, Khanh Hoa Province
- Tel : (84-258) 3822 757
- Fax : (84-258) 3822 795
- Email : nhatrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Thuan Representative Office

- A 40 Pham Hung Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province
- Tel : (84-252) 6250 237
- Fax : (84-252) 6250 236
- Email : binhthuan@vietlandaudit.com.vn

Vung Tau Representative Office

- 558 Nguyen An Ninh Street, Nguyen An Ninh Ward, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province
- Tel : (84-254) 3583 261 - Fax : (84-254) 3583 605
- Email : vungtau@vietlandaudit.com.vn

Dong Nai Representative Office

- No.720, Highway 51, Hamlet 2, Long An Commune, Long Thanh District, Dong nai Province
- Tel : 0913 756 969
- Email : dongnai@vietlandaudit.com.vn

Hai Phong Representative Office

- No. 17, Lane 5, Dong Tam Street, Dong Hoa Ward, Kien An District, Hai Phong City.

Northern Branch

- Area HC 01, Trai Thy Village, Lien Bao Ward, Vinh Yen City, Vinh Phuc Province
- Tel : (84-24) 6669 9911
- Fax : (84-24) 6669 9911
- Email : vinhphuc@vietlandaudit.com.vn

Kien Giang Representative Office

- C13 - 50 Bai Van Ba Street, Vinh Bao Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province
- Tel : (84-297) 3929 239
- Fax : (84-297) 3929 200
- Email : kiengiang@vietlandaudit.com.vn

Bac Lieu Representative Office

- 42A Nguyen Van Linh Street, Ward 1, Bac Lieu City, Bac Lieu Province
- Tel : (84-291) 6255 022
- Fax : (84-291) 6255 052
- Email : baclieu@vietlandaudit.com.vn

Soc Trang Representative Office

- No. 123, D Area, Tran Hung Dao Residential Area, Ward 2, Soc Trang City
- Tel : (84-299) 3827 079
- Fax : (84-299) 3827 079
- Email : soctrang@vietlandaudit.com.vn

Tien Giang Representative Office

- 167/11 Nguyen Trung Truc St, My Tho City, Tien Giang Province
- Tel : (84-273) 3978 484
- Fax : (84-273) 3978 485
- Email : tiengiang@vietlandaudit.com.vn

Ca Mau Representative Office

- No. 67, Street 06 - Urban Area Licog Cluster 6, Ward 1, Ca Mau City, Ca Mau Provin



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....**
Số: 08/TTr-BKS/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....**
TP. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021.

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, Vimexco Gas đưa ra tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán như sau:

- Là Công ty kiểm toán được thành lập và hoạt động hợp pháp và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tài chính, đầu tư xây dựng và kinh doanh khí hóa lỏng LPG;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

Dựa vào các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2021.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, BKS.





CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....***.....
Số: 09/TTr-HĐQT/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....***.....
TP. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Stt	Chức danh	Mức thù lao
I	Hội đồng quản trị	
1.	Chủ tịch	13.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	10.000.000 đồng/người/tháng
II	Ban kiểm soát	
1.	Trưởng Ban	10.000.000 đồng/tháng
2.	Thành viên	7.000.000 đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Chí



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

.....***.....

Số: 11/TTr-HĐQT/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....***.....

TP. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: thanh lý tài sản không trực tiếp phục vụ hoạt động kinh doanh”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;

Nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục tình trạng lố lũy kéo dài. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án thanh lý các tài sản không trực tiếp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện tìm kiếm, lựa chọn đối tác, hình thức, giá chuyển nhượng để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.



Lê Hữu Chí



CÔNG TY CP TM & DV
DẦU KHÍ VŨNG TÀU
VIMEXCO GAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

Số: 12/TTr-HĐQT/2021

TỜ TRÌNH

“V/v: thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu VMG để nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện chào mua công khai”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc cho phép nhóm cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phiếu VMG để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty đạt đến mức theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Nội dung chi tiết như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng không phải chào mua công khai: Công ty CP Đầu tư XNK và Phát triển Năng lượng Toàn Cầu.
2. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai: Ông Nguyễn Thanh Tùng (số CMND 023100441, do CA Tp.HCM cấp ngày 13/08/2014, sở hữu 2.394.050 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư XNK và Phát triển Năng lượng Toàn Cầu) và các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
3. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng tại mục 1 nêu trên không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi cổ phiếu Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu (Mã chứng khoán: VMG) dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu.
4. Phương thức thực hiện giao dịch: Nhận chuyển nhượng thông qua hình thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.
5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc nhận chuyển nhượng nêu trên để đảm bảo thực hiện các nội dung trong tờ trình này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Trân trọng kính trình.





Số: 13 /TTr-HĐQT/2021

TP. HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2021

TỜ TRÌNH

“V/v: giao dịch giữa công ty với các bên có liên quan ”

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 21/05/2021;
- Căn cứ Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

1. Nay, Hội đồng quản trị xin trình với Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc giao dịch phát sinh doanh thu hoặc chi phí giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

STT	Bên liên quan
1	Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Tổng Giám đốc Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể, ký kết hợp đồng và thực hiện các giao dịch với các bên liên quan nêu trên, bao gồm các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt (nếu có)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT



Số: 14/2021/TTr-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 08 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020.
- Công văn 1916/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 20/03/2020 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu;
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình về việc bổ sung Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử vào Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Như sau:

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	Khoản 1 Điều 3 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 3 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.	Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
2.	Khoản 1 điều 8 Cổ đông có thể đăng ký tham	Khoản 1 điều 8 Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp	Khoản 3 Điều 273 Nghị định

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được quy định tại Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế này</p>	<p>155/2020/NĐ-CP</p>
<p>3.</p>	<p>Khoản 1, Điều 11</p> <p>1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.</p>	<p>Khoản 1, Điều 11</p> <p>1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.</p> <p><i>Trường hợp đăng ký dự họp trực tuyến được Công ty quy định chi tiết tại Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế này.</i></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</p>
<p>4.</p>	<p>Khoản 4, Điều 11</p> <p><i>Chưa có</i></p>	<p>Khoản 4, Điều 11</p> <p><i>Trường hợp Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực</i></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Quy chế</p>

STT	NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<i>tuyển, cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo quy định tại phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế Quản trị nội bộ Công ty.</i>	quản trị nội bộ Công ty
5.	Không quy định	<i>Bổ sung Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế Quản trị nội bộ Công ty.</i>	

Việc thông qua tờ trình về việc bổ sung Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử vào Quy chế quản trị nội bộ Công ty này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty áp dụng thi hành và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật kể từ ngày tờ trình được thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ HỮU CHÍ

PHỤ LỤC 01

QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

(Phụ lục này là 01 phần không thể tách rời với quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 08 năm 2021 của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu (sau đây gọi là Công ty).

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

- a. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
- b. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia *thông qua mạng internet* để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
- c. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
- d. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- e. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
- f. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.
- g. “**Bầu dồn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
- h. “**Bầu ghi số**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3 : Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- a. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
 - Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- b. Yêu cầu kỹ thuật:
- Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
- c. Cách thức thực hiện:
- Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Quy chế hướng dẫn tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 4 : Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

- a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
- b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 5 : Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6 : Quy định về ủy quyền trực tuyến

- a. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
- b. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- c. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.
- d. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
- e. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7 : Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 8 : Cách thức bỏ phiếu điện tử

- a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:
 - Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
 - Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 9 : Cách thức kiểm phiếu

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết /bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu

Điều 10 : Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 9 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 11 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

- a. Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.
- b. Việc lập biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.
- c. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- d. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông .

Điều 12 : Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

- a. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
- b. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- c. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 13 : Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

- a. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 14 : Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

- Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....
- Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

**CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Điều 15 : Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Quy chế này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Quy chế này là một Phụ lục đính kèm trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16 : Hiệu lực thi hành

- Quy chế này này gồm 3 Chương, 16 Điều và có hiệu lực từ ngày ban hành.
- Đại biểu, các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
DẦU KHÍ VĨNG TÀU



TP. Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
CHƯƠNG II.....	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo chốt danh sách cổ đông.....	7
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết.....	10
Điều 12. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua và thông báo kết quả..	11
Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ...	12
Điều 14. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng... 13	
Điều 16. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13
Điều 17. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông khác	15
CHƯƠNG III.....	15
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
MỤC 1: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 18. Hội đồng quản trị	15
Điều 19. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	17

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 23. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	19
Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 28. Các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty	21
MỤC 2: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 29. Số lượng cuộc họp tối thiểu và các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	22
Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	23
Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	23
Điều 33. Cách thức biểu quyết	23
Điều 34. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	24
Điều 35. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	24
Điều 36. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	25
CHƯƠNG IV	25
BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	25
Điều 38. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát	27
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	27
Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên	27
Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	28
Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	28
Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	28
CHƯƠNG V	29

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
Điều 45. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
CHƯƠNG VI.....	29
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	29
Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	29
Điều 47. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty ..	30
Điều 48. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành của Công ty	31
Điều 49. Ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty	32
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành	32
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành	32
CHƯƠNG VII	32
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	32
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	32
MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 52. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 53. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	33
Điều 54. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	33
Điều 55. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát	33
Điều 56. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị	34
MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC.....	34
Điều 57. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị	34
Điều 58. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	34
MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 59. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	34
Điều 60. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG VIII.....	36
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	36

Điều 61. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.....	36
Điều 62. Khen thưởng	36
Điều 63. Xử lý vi phạm và kỷ luật	37
CHƯƠNG IX.....	37
LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 64. Việc bỏ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 65. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 66. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 67. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
CHƯƠNG X	38
BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 68. Nghĩa vụ công bố thông tin	38
Điều 69. Công bố thông tin về quản trị Công ty	38
Điều 70. Tổ chức công bố thông tin	39
CHƯƠNG XI.....	39
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	39
Điều 71. Báo cáo	39
Điều 72. Giám sát.....	39
Điều 73. Xử lý vi phạm	40
CHƯƠNG XII SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ.....	40
Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty	40
CHƯƠNG XIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	40
Điều 75. Điều khoản thi hành.....	40
Điều 76. Hiệu lực	40

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông
Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

- d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo chốt danh sách cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

2. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

Điều 6. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm và gửi thông báo mời họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân,

tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được quy định tại Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế này.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn 01 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện, nếu không xác định sẽ được coi là chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp hoặc theo địa chỉ trên trang thông tin điện tử của Công ty (ghi trên thư mời họp) và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

- c. Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc căn cước công dân để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. Việc chào bán hoặc/và phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu

biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

Trường hợp đăng ký dự họp trực tuyến được Công ty quy định chi tiết tại Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế này.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
3. Theo quyết định của ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện của cổ đông dự họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất 02 cổ đông trong số những người yêu cầu phải có tổ chức trung lập kiểm phiếu.
4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo quy định tại phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử đính kèm quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua và thông báo kết quả

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng

số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng 10 ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ. Các chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của luật tố tụng, các quy định của pháp luật hiện hành.
3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. Việc chào bán hoặc/và phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Điều lệ công ty và Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ công ty và Điều 5 Quy chế này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông khác

Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo các hình thức khác như hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến,... Trình tự, thủ tục họp và thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức này tương tự như việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định từ Điều 4 đến Điều 14 Quy chế này. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, sẽ được Hội đồng quản trị và Ban tổ chức đại hội hướng dẫn cụ thể trong mỗi lần họp.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC 1: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản

- lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu

Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 19. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo như sau:
 - a. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;
 - b. Tối thiểu 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 20. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị cần hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty.
2. Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đề cử được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
4. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm.
5. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.
2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a. Phiếu không phải của Ban tổ chức phát hành;
 - b. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm số lượng cổ phần cổ đông sở hữu và được ủy quyền);
 - c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.
7. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 23. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
2. Có đơn từ chức;
3. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo Điều 22 của Quy chế này.
2. Công ty ban hành và công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...
3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp ứng viên hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - a. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 Điều này.
 - b. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - c. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 27. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 - b. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội

đồng quản trị là đại diện phần vốn góp, phải được công bố chi tiết thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và báo cáo thường niên của Công ty.

- c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

1. Công ty tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

MỤC 2: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Số lượng cuộc họp tối thiểu và các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 lần.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị tại điểm 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 30. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 31. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự họp các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 32. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 33. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
2. Trừ quy định tại khoản 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 32 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành

viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại điểm 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b và c khoản 7 Điều 56 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
6. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 34. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 35. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;

- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi.
6. Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 36. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm soát chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
3. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Người quản lý Công ty;
6. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Người quản lý Công ty;
8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý tại Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - d. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
 - e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự đối với ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 21 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 05 ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên thành viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 45. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ...
2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quy định.
4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.
6. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự...

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 46. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty, cụ thể như sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại,

- tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Chậm nhất ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc;

Điều 47. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty

- 1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
- 4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

- a. Kế toán trưởng Công ty có tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.
 - b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.
5. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.

Điều 48. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành của Công ty

1. Tổng Giám đốc:

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc 01 người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;
- b. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty,...) để lựa chọn người được bổ nhiệm;
- c. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:
 - Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
 - Bản kê khai tài sản, thu nhập;
 - Chương trình hành động;
 - Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
 - Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
 - Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).
- d. Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

- Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Người điều hành. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành

- Tổng Giám đốc và Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị Công ty phải xem xét và quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến, quyết định của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành trong trường hợp sau:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 52. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, khẩn cấp, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 53. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá 03 ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá 05 ngày.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.
6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 54. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 55. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Thư ký Công ty (nếu có) có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 56. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
2. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 57. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 58. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ

đồng, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình-đối với sự phát triển của Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, góp phần làm Công ty phát triển bền vững, thúc đẩy sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông và tạo sự cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;
5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông;
6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;
7. Mẫn cán và trung thực;
8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 60. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty.
5. Ban kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.
6. Ban kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra,

kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
8. Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty.
Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 61. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
2. Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
 - b. Hoàn thành nhiệm vụ;
 - c. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 62. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều 61 Quy chế này.
2. Chế độ khen thưởng:
 - a. Bằng tiền;
 - b. Bằng công phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, Quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 63. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 65. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 66. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 68. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 69. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
 - d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
 - e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;

- i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đồng thời, có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị công ty này trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 70. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời đề cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin;
 - b. Cán bộ chuyên chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc, email để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 71. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Giám sát

Các đơn vị, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

